TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 11 - 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sang và bà Ngô Thị Như Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Bình – Thư ký Tòa án TP Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/7/2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị **X**, sinh năm 1963.

ĐKHKTT: Tổ 13, phường **TT**, thành phố Hòa Bình, Hòa Bình.

Chỗ ở hiện tại: SN 105, đường **TL**, tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình, Hòa Bình.

2. Bị đơn: ông Phạm Quang **Kh**, sinh năm 1966.

ĐKHKTT: Thôn **TD**, xã **HD**, Thanh Oai, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: SN 105, đường **TL**, tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình, Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Vietinbank)

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

- Ông Phạm Văn **L**

Địa chỉ: phòng 3606 V2 Victoria Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có yêu cầu xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị **X** trình bày:*

Bà và ông Phạm Quang **Kh** kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **ĐN**, **ĐS**, Thanh Hóa, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, tu chí làm ăn. Cho đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông **Kh** không chung thủy, chung sống với người phụ nữ khác, từ đó thường xuyên đánh đập vợ, hành hạ về cả thể xác lẫn tinh thần. Đến nay tình cảm của bà không còn gì nên bà xin được ly hôn ông **Kh**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Hồng **M**, sinh ngày 01/01/1993; Phạm Ngọc **K**, sinh ngày 28/3/1998 và Phạm Thị Minh **Ph**, sinh ngày 14/01/2005. Khi ly hôn đối với cháu **M** và cháu **K** đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết. Đối với cháu **Ph** thì tôn trọng ý kiến của cháu, cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và về cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng đã xây dựng được khối tài sản bao gồm: 01 căn hộ, diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình; 01 lô đất, diện tích 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN**, TP Hòa Bình; 01 nhà 2 tầng được xây dựng trên diện tích đất 110,2m^2 hiện đang hoàn thiện; 02 máy xúc (01 chiếc nhãn hiệu Jamma, 01 chiếc nhãn hiệu Samsung); 02 xe tải (01 chiếc nhãn hiệu Dongfeng, 01 chiếc nhãn hiệu QingQi); 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO.

Về công nợ chung: Hiện vợ chồng còn nợ ông Phạm Văn **L** (anh trai ông **Kh**) số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.079.379 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng).

Khi ly hôn quan điểm của bà **X** là: vì điều kiện sức khỏe, bệnh tật nên về tài sản chung bà **X** xin được sở hữu 01 căn hộ, diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình. Còn ông Khải được sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản còn lại, đồng thời phải thanh toán cho bà số tiền chênh lệch tài sản là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngoài ra ông **Kh** phải có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ chung của hai vợ chồng là ông Phạm Văn **L** số tiền 800.000.000 đồng và Ngân hàng Vietinbank số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.079.379 đồng.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Quang **Kh** trình bày:*

Ông và bà **X** kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **ĐN**, huyện **ĐS**, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng đã không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không có hạnh phúc. Nay bà **X** xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Hồng **M**, sinh ngày 01/01/1993; Phạm Ngọc **K**, sinh ngày 28/3/1998 và Phạm Thị Minh **Ph**, sinh ngày 14/01/2004. Khi ly hôn đối với cháu **M** và cháu **K** đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu **Ph** thì cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và về cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng có: 01 căn hộ (nhà bê tông lắp ghép), diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình; 01 lô đất, diện tích 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN**, TP Hòa Bình; 01 nhà 2 tầng được xây dựng trên diện tích đất 110,2m^2 hiện đang hoàn thiện; 02 máy xúc (01 chiếc nhãn hiệu Jamma, 01 chiếc nhãn hiệu Samsung); 02 xe tải (01 chiếc nhãn hiệu Dongfeng, 01 chiếc nhãn hiệu QingQi); 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO.

Về công nợ chung: xác nhận cũng như ý kiến của bà X, hiện vợ chồng còn nợ ông Phạm Văn **L** (anh trai ông **Kh**) số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.079.379 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng).

Khi ly hôn quan điểm của ông **Kh** là: về tài sản chung thì có hiện có hai nhà, bà **X** muốn ở nhà nào thì ở, còn đối với toàn bộ máy móc, xe, cẩu là công cụ lao động của ông, ông không chấp nhận chia. Về công nợ chung thì nếu ông được ở ngôi nhà thuộc lô đất diện tích 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN,** TP Hòa Bình thì ông sẽ có trách nhiệm trả tất cả các khoản nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Thị Minh **Ph**, ngày 04/11/2019 là con của ông **Kh**, bà **X** cho biết:* Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông **Kh** không chung thủy, ngoại tình, thường xuyên đánh đập bà **X**. Khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn **L** trình bày:* Năm 2018 ông có cho vợ chồng ông **Kh**, bà **X** vay số tiền là 900.000.000 đồng, đến nay đã trả được 100.000.000 đồng, còn lại 800.000.000 đồng. Vợ chồng ông **Kh** bà X ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cho ông **Kh** có trách nhiệm khoản nợ trên. Và cũng do điều kiện sức khỏe ông **L** đề nghị Tòa án không tham gia phiên hòa giải và xét xử vắng mặt ông.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hòa Bình - Phòng giao dịch Sông Đà có công văn ngày 08/9/2019 và ngày 13/11/2019 xác nhận: Vợ chồng ông **Kh**, bà **X** có vay tiền của ngân hàng, theo hợp đồng cho vay từng lần số:

861003087245/ 2017-HĐCVTL/NHCT250, ngày 27/12/2017. Hiện số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.079.379 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 591.000.000 đồng, nợ lãi là 4.079.379 đồng). Nay ông **Kh** bà **X** ly hôn, ý kiến của ngân hàng là:

Một là, đề nghị các bên đương sự ông **Kh**, bà **X** trả toàn bộ số nợ đang vay trước khi Tòa án giải quyết vụ án.

Hai là, trong trường hợp các bên đương sự không trả được ngay khoản nợ trên thì đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang **Kh** tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, phần tài sản đang thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ được phân chia cho ông **Kh**.

Ba là, ngân hàng đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các bên đương sự đã xác nhận toàn bộ tài liệu chứng cứ được cung cấp tại Tòa án là đúng và không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì.

Ngày 08/8/2019 và ngày 04/11/2019 Tòa án đã 02 lần tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành, do vậy vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông **Kh** cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ là những giấy tờ, hóa đơn ghi chép việc thu chi, thanh toán công nợ trong quá trình lao động từ năm 2018 đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đồng ý cho bà **X**, ông **Kh** được ly hôn. Về con chung: giao cháu Phạm Thị Minh **Ph** cho bà **X** nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung và công nợ chung:

- Ông Phạm Quang **Kh** được hưởng những tài sản sau:

+ 01 lô đất, diện tích 110,2m^2 – Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: tổ 06 (tổ 11 cũ), phường **HN**, thành phố Hòa Bình.

+ 01 nhà hai tầng được xây dựng trên thửa đất số 385, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: tổ 06 (tổ 11 cũ), phường **HN**, thành phố Hòa Bình. Hiện ngôi nhà đang hoàn thiện.

+ 02 máy xúc: 01 chiếc nhãn hiệu Jamma công suất 30 và 01 chiếc nhãn hiệu Samsung công suất 55.

+ 02 xe tải: 01 chiếc nhãn hiệu Việt Trung (Dongfeng) và 01 chiếc nhãn hiệu QingQi.

+ 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát: 28C - 046.44.

- Bà Lê Thị **X** được quyền sở hữu 01 nhà ở: P11-T1-A1, nhà bê tông lắp ghép tấm lớn, diện tích sàn 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình.

- Buộc ông Phạm Quang **Kh** phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Lê Thị **X** số tiền là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

- Về công nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Ông Phạm Quang **Kh** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ông Phạm Văn **L** (anh trai ông **Kh**), địa chỉ: phòng 3606 V2 Victoria Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

+ Ông Phạm Quang **Kh** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 861003087245/ 2017-HĐCVTL/NHCT 250, ngày 27/12/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 17/HĐTC/250024-46, ngày 21/12/2017.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị **X** khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn với ông Phạm Quang **Kh**. Ông Khải có đăng ký tạm trú tại: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Kh** và bà **X** kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **ĐN**, huyện **ĐS**, Thanh Hóa trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện là đúng quy định của pháp luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp và ông **Kh** cũng đã có người phụ nữ khác, không chung thủy, thường xuyên đánh đập bà **X**. Nay tình cảm không còn nên bà **X** được ly hôn ông **Kh**. Bị đơn ông **Kh** cũng đồng ý ly hôn với bà **X**. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà **X** và ông **Kh**.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Hồng **M**, sinh ngày 01/01/1993; Phạm Ngọc **K**, sinh ngày 28/3/1998 và Phạm Thị Minh **Ph**, sinh ngày 14/01/2005. Đối với cháu **M** và cháu **Ph** đã trưởng thành bà **X**, ông **Kh** không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Đối với cháu **Ph** các bên đương sự thống nhất tôn trọng ý kiến của cháu. Việc cháu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại bản tự

khai cháu **Ph** đã thể hiện rõ quan điểm là muốn ở với mẹ, do vậy giao cho bà **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thị Minh **Ph**. Về cấp dưỡng nuôi con bà **X** không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Ông **Kh** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

4.1. Về tài sản chung: bà Lê Thị **X** và ông Phạm Quang **Kh** thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng đã cùng nhau xây dựng được khối tài sản chung là: 01 căn hộ (nhà bê tông lắp ghép), diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình; 01 lô đất, diện tích 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN**, TP Hòa Bình; 01 nhà 2 tầng được xây dựng trên diện tích đất 110,2m^2 hiện đang hoàn thiện; 02 máy xúc (01 chiếc nhãn hiệu Jamma, 01 chiếc nhãn hiệu Samsung); 02 xe tải (01 chiếc nhãn hiệu Dongfeng, 01 chiếc nhãn hiệu QingQi); 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO.

Tại biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản chung của vợ chồng ngày 08/8/2019 và ngày 04/11/2019 các bên đương sự đã thống nhất như sau:

- 01 căn hộ (nhà bê tông lắp ghép), diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình trị giá 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng);

- 01 lô đất, diện tích 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN**, TP Hòa Bình trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng);

- 01 nhà 2 tầng được xây dựng trên diện tích đất 110,2m^2, diện tích xây dựng tổng 02 tầng là 115m^2/sàn (Hiện ngôi nhà đang hoàn thiện), giá trị xây dựng của ngôi nhà là 800.000.000 đồng. Ngôi nhà này vợ chồng đã thanh toán được tiền đổ bê tông móng + mái nhà với trị giá là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng);

- 02 máy xúc: 01 chiếc nhãn hiệu Jamma công suất 30 trị giá 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), 01 chiếc nhãn hiệu Samsung công suất 55 trị giá 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng);

- 02 xe tải: 01 chiếc nhãn hiệu Dongfeng trị giá 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), 01 chiếc nhãn hiệu QingQi trị giá 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO trị giá 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Như vậy tổng giá trị khối tài sản chung của hai vợ chồng là: 4.870.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng).

4.2. Về công nợ chung: Vợ chồng thống nhất còn nợ ông Phạm Văn Loan (anh trai ông Khải), địa chỉ: phòng 3606 V2 Victoria Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền nợ gốc + lãi, tạm tính đến ngày 18/11/2019

là: 595.070.379 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bảy chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 591.000.000 đồng, nợ lãi là 4.079.379 đồng.

Tài sản chung nêu trên do bà **X** ông **Kh** cùng nhau tạo lập, cùng phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người nên ông bà có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Nay ông bà không thỏa thuận được cách phân chia nên căn cứ vào các quy định của pháp luật để xác định ông bà có quyền ngang nhau trong công sức đóng góp của mỗi bên và xác định tỷ lệ chia cho mỗi bên là bằng nhau.

Như đã nhận định, tổng giá trị tài sản của vợ chồng là: 4.870.000.000 đồng. Trừ đi hai khoản nợ ông Phạm Văn **L** số tiền là 800.000.000 đồng và Ngân hàng Vietinbank số tiền nợ gốc + lãi, tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.070.379 đồng. Khối tài sản chung còn lại là: 3.474.929.621 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi tư triệu chín trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng). Vì vậy ông **Kh**, bà **X** mỗi người được nhận là: 1.737.464.810 đồng (= 50% tổng giá trị tài sản).

Tuy nhiên bà X có ý kiến vì điều kiện ốm đau, bệnh tật không thể lao động được bà xin được sở hữu 01 căn hộ, diện tích 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình. Còn ông **Kh** được sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản còn lại, đồng thời phải thanh toán cho bà số tiền chênh lệch tài sản là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) để bà sinh sống, nuôi con và chữa bệnh. Ngoài ra ông **Kh** phải có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ chung của hai vợ chồng. Bản thân ông **Kh** cũng có ý kiến không chia những tài sản là xe tải, máy xúc, cẩu tự hành vì là công cụ lao động của ông nên ông muốn được sở hữu. Đối với công nợ chung ông sẽ nhận trách nhiệm trả toàn bộ công nợ khi được sở hữu ngôi nhà 02 tầng và sử dụng diện tích đất 110,2m^2, địa chỉ: tổ 11, phường **HN**, TP Hòa Bình.

Những tài liệu chứng cứ mà ông **Kh** cung cấp tại phiên tòa không chứng minh được những tài sản trên là tài sản riêng của ông hay công sức đóng góp của ông trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng.

Tại khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch".*

Xét thấy sự tự nguyện của bà **X** không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về công nợ chung: Tất cả các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất để bị đơn ông Phạm Quang **Kh** có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm Văn **L** số tiền là 800.000.000 đồng và trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền nợ gốc + lãi, tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.070.379 đồng. Thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy định của

pháp luật, nghĩ nên cần chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí và không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì án phí trong vụ án được giải quyết như sau:

- Bà **X** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản chung tương đương với phần giá trị tài sản bà **X** được hưởng.

Bà **X** được hưởng khối tài sản được chia có giá trị là: 1.500.000.000 đồng . Vậy án phí dân sự chia tài sản chung là: 36.000.000 đồng + 3% phần giá trị vượt quá 800.000.000 đồng = 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Bà Xim được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THA dân sự thành phố Hòa Bình, nay cần phải nộp thêm.

- Ông **Kh** phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung tương đương với phần giá trị tài sản mà ông Khải được hưởng.

Ông **Kh** được hưởng khối tài sản được chia có giá trị là: 1.974.929.621 đồng. Vậy án phí dân sự chia tài sản chung là: 36.000.000 đồng + 3% phần giá trị vượt quá 800.000.000 đồng = 71.247.888 đồng (Bảy mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, khoản 1 Điều 51, 55, 57, 59 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị **X**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị **X** và ông Phạm Quang **Kh**.

2. Về con chung: có 03 con chung tên là Phạm Hồng **M**, sinh ngày 01/01/1993; Phạm Ngọc **K**, sinh ngày 28/3/1998 và Phạm Thị Minh **Ph**, sinh ngày 14/01/2005. Đối với cháu **M** và cháu **K** đã trưởng thành bà **X**, ông **Kh** không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Giao cho bà Lê Thị **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thị Minh **Ph**. Về cấp dưỡng nuôi con bà **X** không yêu cầu nên Tòa không đề cập giải quyết.

Ông **Kh** có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ông Phạm Quang **Kh** được quyền sở hữu và quyền sử dụng những tài sản sau:

- 01 lô đất, diện tích 110,2m^2 – Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: tổ 06 (tổ 11 cũ), phường **HN**, thành phố Hòa Bình. (Diện tích đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Phạm Quang **Kh** và bà Lê Thị **X**, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 02/11/2016, số vào sổ cấp GCN: CS01577).

- 01 nhà hai tầng được xây dựng trên thửa đất số 385, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: tổ 06 (tổ 11 cũ), phường **HN**, thành phố Hòa Bình. Diện tích xây dựng 115m^2/sàn (tổng diện tích 2 sàn là 230m^2). Hiện ngôi nhà đang hoàn thiện.

- 02 máy xúc (hiện không có chứng nhận đăng ký xe): 01 chiếc nhãn hiệu Jamma công suất 30 và 01 chiếc nhãn hiệu Samsung công suất 55.

- 02 xe tải, có chứng nhận đăng ký xe mang tên chủ xe Lê Thị **X**:

+ 01 chiếc nhãn hiệu Việt Trung (Dongfeng), loại xe tải tự đổ, màu sơn xanh, tải trọng - hàng hóa: 2450kg, Biển kiểm soát: 28C - 001.01.

+ 01 chiếc nhãn hiệu QingQi, loại xe tải ben, màu sơn xanh, tải trọng - hàng hóa: 1800kg. Biển kiểm soát: 28H - 3521.

- 01 xe cẩu tự hành nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát: 28C - 046.44. (Có chứng nhận đăng ký xe).

3.2. Bà Lê Thị **X** được quyền sở hữu 01 nhà ở: P11-T1-A1, nhà bê tông lắp ghép tấm lớn, diện tích sàn 18,0m^2, địa chỉ: tổ 13, phường **TT**, TP Hòa Bình. Được xây dựng trên thửa đất số 198, tờ bản đồ số 10, diện tích sử dụng chung là 637m^2 (Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Lê Thị **X**, do UBND thành phố Hòa Bình cấp ngày 14/11/2008, số vào sổ cấp GCN:416/P11-T1-A1).

3.3. Buộc ông Phạm Quang **Kh** phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Lê Thị **X** số tiền là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về công nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Ông Phạm Quang **Kh** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ông Phạm Văn **L** (anh trai ông **Kh**), địa chỉ: phòng 3606 V2 Victoria Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Ông Phạm Quang **Kh** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 861003087245/ 2017-HĐCVTL/NHCT 250, ngày 27/12/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 17/HĐTC/250024-46, ngày 21/12/2017. Số tiền nợ gốc + lãi, tạm tính đến ngày 18/11/2019 là: 595.070.379 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bảy chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 591.000.000 đồng, nợ lãi là 4.079.379 đồng.

5. Về án phí: Bà Lê Thị **X** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền 42.300.000 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà **X** đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình, theo biên lai số 0002053, ngày 25/7/2019. Nay bà Lê Thị **X** còn phải nộp số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ông Phạm Quang **Kh** phải nộp tiền án phí dân sự chia tài sản chung số tiền là: 71.247.888 đồng (Bảy mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Trường Sơn